

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Hồng

2. Ông Huỳnh Dư

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thúy Nga là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2019, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mai Đặng D, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Do 6A, phường Cam Phúc Bắc, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Chị Hồ Thị Kim T, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Do 6A, phường Cam Phúc Bắc, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Mai Đặng D trình bày: Anh và chị T có thời gian tìm hiểu nhau được 02 năm và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Hòa Do 6A, phường Cam Phúc Bắc, thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 111, quyền số 02/2009, cấp ngày 17/12/2009.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian từ cuối năm 2018 và đầu năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu

thuần trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, quan điểm trái ngược nhau trong lối sống, đạo đức, tập quán ăn ở vợ chồng xuất phát từ việc cô T có lối sống buông thả, tự do, ăn nói không tôn trọng, không vun vén hạnh phúc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị Kim T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Mai Tiến D, sinh ngày: 15/02/2012.

Anh D yêu cầu giao cháu Mai Tiến D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D. Về con chung: Giao cháu Mai Tiến D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: Không có; Về án phí: Anh D phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn.

Giấy khai sinh mang tên Mai Tiến D.

Chứng minh nhân dân mang tên Mai Đặng D, Hồ Thị Kim T.

Sổ hộ khẩu, sổ tạm trú mang tên chủ hộ Mai Đặng D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị Hồ Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[1.2] Anh Mai Đăng D yêu cầu ly hôn chị Hồ Thị Kim T. Yêu cầu của anh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh D và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Phúc Bắc, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 111, quyền số 02/2009, cấp ngày 17/12/2009. Do đó, hôn nhân giữa anh D và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến cuối năm 2018 và đầu năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra xung đột, thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm nhau, anh D xác định tình cảm với chị T không còn nữa nên anh kiên quyết ly hôn chị Hồ Thị Kim T.

Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, chị T không đến tòa để tham gia hòa giải, xét xử, trình bày ý kiến và không có biện pháp để cải thiện, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, điều đó chứng tỏ chị thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa chị và anh D.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh D yêu cầu được ly hôn chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh D yêu cầu giao cháu Mai Tiến D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Mai Tiến D nay còn nhỏ, đang chung sống với chị T và có nguyện vọng tiếp tục được chung sống với chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T không đến Tòa để trình bày yêu cầu về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy anh D yêu cầu giao cháu Mai Tiến D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Vì lợi ích của con, anh D và chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Mai Đăng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Anh Mai Đăng D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định

tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Mai Đăng D.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Mai Đăng D được ly hôn chị Hồ Thị Kim T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Mai Tiến D, sinh ngày: 15/02/2012 cho chị Hồ Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Mai Đăng D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, anh D và chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Anh Mai Đăng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí:* Anh Mai Đăng D nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” và nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000231 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Anh Mai Đăng D còn phải nộp 300.000 đồng.

Qui định: Kể từ ngày chị Hồ Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Mai Đăng D chưa thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng anh Mai Đăng D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Mai Đăng D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Hồ Thị Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường Cam Phúc Bắc
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy